

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào các điều 48, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2019 bà Lê Ngọc Đ khởi kiện đối với ông Trương Hữu T, sinh năm 1981, địa chỉ: Ấp 3, thị trấn G, huyện Đông H, tỉnh B, yêu cầu ông T giao trả phần đất diện tích 413m², tọa lạc tại ấp 4, thị trấn G, huyện Đông H, tỉnh B. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 28/11/2019 của Ủy ban nhân dân thị trấn G lại tổ chức hòa giải giữa bà Lê Ngọc Đ và ông Trương Văn Dũng, sinh năm 1954, địa chỉ: Ấp 3, thị trấn G, huyện Đông H, tỉnh B. Do sự việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà Đ và ông T chưa được qua hòa giải ở cơ sở (UBND thị trấn G) theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai năm 2013. Do vậy, nguyên đơn xin rút đơn khởi kiện để yêu cầu tiến hành hòa giải đúng chủ thể tranh chấp theo quy định của pháp luật. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 16/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc Đ, sinh năm 1957;

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp 3, thị trấn G, huyện Đông H, tỉnh B.

Bị đơn: Ông Trương Hữu T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: (Không có số nhà) thuộc ấp 3, thị trấn G, huyện Đông H, tỉnh B.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại khi có tranh chấp. Bà Lê Ngọc Đ thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, bà Lê Ngọc Đ nộp tạm ứng 400.000đ, đã chi hết nên không đặt ra xem xét.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị N. Y

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).

(4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).

(5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).

(9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).

(10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).

